

|                                  |                                  |
|----------------------------------|----------------------------------|
| BỆNH VIỆN ĐK BỐ TRẠCH QUẢNG BÌNH | Khoa xét nghiệm                  |
| Sổ tay lấy mẫu bệnh phẩm         | Mã số: QLCL 01<br>Phiên bản: 1.0 |

**BỆNH VIỆN ĐK HUYỆN BỐ TRẠCH QUẢNG BÌNH**  
**KHOA XÉT NGHIỆM**

# SỔ TAY LẤY MẪU BỆNH PHẨM

Mã số: QLCL-ST-01  
Phiên bản: 1.0

|                        | <b>NGƯỜI<br/>SOẠN THẢO</b> | <b>NGƯỜI<br/>KIỂM TRA</b> | <b>NGƯỜI<br/>PHÊ DUYỆT</b> |
|------------------------|----------------------------|---------------------------|----------------------------|
| Họ và tên              |                            |                           |                            |
| Chữ ký                 |                            |                           |                            |
| Ngày ký                |                            |                           |                            |
| Ngày có hiệu lực       |                            |                           | Lần sửa đổi: 00            |
| <i>Tài liệu nội bộ</i> |                            |                           |                            |

|                                  |                                  |
|----------------------------------|----------------------------------|
| BỆNH VIỆN ĐK BỔ TRẠCH QUẢNG BÌNH | Khoa xét nghiệm                  |
| Sổ tay lấy mẫu bệnh phẩm         | Mã số: QLCL 01<br>Phiên bản: 1.0 |

## Mục lục

|  |    |
|--|----|
| <b>Phần 1. Giới thiệu</b> .....  | 3  |
| 1. Mục đích.....   | 3  |
| 2. Phạm vi áp dụng.....  | 3  |
| 3. Trách nhiệm thực hiện.....  | 3  |
| 4. Phân phối.....  | 3  |
| 5. Sửa đổi và bổ sung.....   | 3  |
| <b>Phần 2. Thông tin chung</b> .....                                     | 4  |
| 1. Thời gian làm việc.....   | 4  |
| 2. Thông tin liên lạc.....   | 4  |
| 3. Các loại xét nghiệm.....  | 5  |
| 4. Các quy định chung khi lấy mẫu.....                                   | 6  |
| 5. Tiêu chuẩn chấp nhận và từ chối mẫu bệnh phẩm.....                    | 6  |
| 6. Thời gian nhận mẫu.....   | 6  |
| 7. Thời gian trả kết quả xét nghiệm.....                                 | 7  |
| <b>Phần 3. Bảng tóm tắt yêu cầu lấy mẫu, thời gian trả kết quả</b> ..... | 7  |
| Quy định về xét nghiệm bổ sung.....                                      | 9  |
| <b>Phụ lục.</b>  |    |
| 1. Các hình ảnh về dụng cụ lấy và đựng mẫu.....                          | 10 |
| 2. Hướng dẫn sổ theo dõi giao và nhận bệnh phẩm.....                     | 12 |

|                                  |                                  |
|----------------------------------|----------------------------------|
| BỆNH VIỆN ĐK BỒ TRẠCH QUẢNG BÌNH | Khoa xét nghiệm                  |
| Sổ tay lấy mẫu bệnh phẩm         | Mã số: QLCL 01<br>Phiên bản: 1.0 |

## Phần 1 – Giới thiệu

### 1. Mục đích:

Sổ tay này cung cấp các thông tin liên quan đến các yêu cầu lấy mẫu bệnh phẩm đạt yêu cầu và kết quả xét nghiệm chính xác và đáng tin cậy.

### 2. Phạm vi áp dụng:

Áp dụng cho các khoa lâm sàng, khoa xét nghiệm khi thực hiện lấy mẫu bệnh phẩm cho bệnh nhân.

### 3. Trách nhiệm:

- Tất cả các nhân viên được giao nhiệm vụ lấy mẫu và chuyển mẫu đến phòng xét nghiệm có trách nhiệm hiểu và tuân thủ sổ tay này.
- Phụ trách các khoa phòng liên quan có trách nhiệm giám sát sự tuân thủ sổ tay này tại đơn vị mình.

### 4. Phân phối:

Danh sách các khoa phòng và cá nhân được phân phối Sổ tay lấy mẫu:

| Bản sao số | Khoa/Phòng/Cá nhân | Bản sao số | Khoa/Phòng/Cá nhân |
|------------|--------------------|------------|--------------------|
| 01         | Giám đốc           | 08         | Khoa Sản           |
| 02         | Phòng điều dưỡng   | 09         | Khoa Nhi           |
| 03         | Phòng KHTH         | 10         | Khoa HSCC-CD       |
| 04         | Khoa khám bệnh     | 11         | Khoa YHCT          |
| 05         | Khoa Xét nghiệm    | 12         | Khoa Truyền nhiễm  |
| 06         | Khoa Nội           | 13         | Phòng Mổ           |
| 07         | Khoa Ngoại         |            |                    |

### 5. Sửa đổi và bổ sung:

| Tên tài liệu | Mã tài liệu | Ngày ban hành | Đơn vị sửa đổi | Nội dung sửa đổi |
|--------------|-------------|---------------|----------------|------------------|
|              |             |               |                |                  |
|              |             |               |                |                  |
|              |             |               |                |                  |
|              |             |               |                |                  |
|              |             |               |                |                  |
|              |             |               |                |                  |

|                                  |                                  |
|----------------------------------|----------------------------------|
| BỆNH VIỆN ĐK BỔ TRẠCH QUẢNG BÌNH | Khoa xét nghiệm                  |
| Sổ tay lấy mẫu bệnh phẩm         | Mã số: QLCL 01<br>Phiên bản: 1.0 |

## **Phần 2. Thông tin chung**

### **1. Thời gian làm việc:**

1.1. Ngày thường: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần

Giờ hành chính:

- Buổi sáng: Từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút (Giờ mùa hè)  
                        Từ 6 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (Giờ mùa đông)
- Buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ (Giờ mùa hè)
- Từ 13 giờ phút đến 17 giờ (Giờ mùa đông)

Ngoài giờ hành chính

- Buổi trưa: Từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút (giờ mùa hè)  
                        Từ 11 giờ đến 13 giờ 30 phút (giờ mùa đông)
- Buổi tối: Từ 17 giờ đến giờ hành chính sáng hôm sau.

1.2. Thứ 7, chủ nhật và ngày lễ: 24/24 giờ

- Từ 6 giờ 30 phút (mùa hè)
- Từ 7 giờ (mùa đông)

### **2. Thông tin liên hệ:**

Khoa xét nghiệm, tầng 1 dãy nhà C.

Số điện thoại: 0523.610.916

|                                  |                                  |
|----------------------------------|----------------------------------|
| BỆNH VIỆN ĐK BỘ TRẠCH QUẢNG BÌNH | Khoa xét nghiệm                  |
| Sổ tay lấy mẫu bệnh phẩm         | Mã số: QLCL 01<br>Phiên bản: 1.0 |

### 3. Danh mục các loại xét nghiệm

| STT                        | LOẠI XÉT NGHIỆM  |
|----------------------------|--|
| <b>I. Hóa sinh</b>         |  |
| 1                          | Amylase  |
| 2                          | SGOT   |
| 3                          | SGPT   |
| 4                          | Protein toàn phần  |
| 5                          | Cholesterol  |
| 6                          | Triglycerid  |
| 7                          | Acid Uric  |
| 8                          | Glucose  |
| 9                          | Bilirubin toàn phần  |
| 10                         | Bilirubin trực tiếp  |
| 11                         | HDL-Cholesterol  |
| 12                         | Urease   |
| 13                         | Creatinine   |
| 14                         | GGT  |
| 15                         | LDL- Cholesterol   |
| <b>II. Huyết học</b>       |  |
| 1                          | Tổng phân tích tế bào máu bằng máy đếm tự động (18 thông số) |
| 2                          | Thời gian máu chảy (TS)                                      |
| 3                          | Thời gian co cục máu đông (TC)                               |
| 4                          | Định nhóm máu bằng phương pháp ống nghiệm                    |
| 5                          | VSS  |
| 6                          | TQ/ PT   |
| 7                          | TCK/ APTT  |
| 8                          | Định lượng Fibrinogen  |
| 9                          | TT   |
| <b>III. Ký sinh trùng</b>  |  |
| 1                          | Tìm KST sốt rét trong máu ngoại vi                           |
| 2                          | Soi tươi tìm KST đường ruột                                  |
| 3                          | Nhuộm soi tìm nấm  |
| <b>IV. Huyết thanh học</b> |  |
| 1                          | Phản ứng CRP   |
| 2                          | Phản ứng ASLO  |
| 3                          | Tìm kháng thể giang mai RPR                                  |
| 4                          | Xét nghiệm HBsAg   |
| 5                          | Xét nghiệm HIV   |
| 6                          | Xét nghiệm HCV   |
| 7                          | Test nhanh KST sốt rét                                       |
| 8                          | Test nhanh HBeAg   |

|                                  |                                  |
|----------------------------------|----------------------------------|
| BỆNH VIỆN ĐK BỔ TRẠCH QUẢNG BÌNH | Khoa xét nghiệm                  |
| Sổ tay lấy mẫu bệnh phẩm         | Mã số: QLCL 01<br>Phiên bản: 1.0 |

| <b>V. Vi sinh vật</b>    |  |
|--------------------------|--|
| 1                        | Soi tươi tìm tế bào                            |
| 2                        | Tìm BK đàm                                     |
| 3                        | Nhuộm soi tìm vi khuẩn các loại bệnh phẩm      |
| 4                        | Nuôi cấy định danh vi khuẩn các loại bệnh phẩm |
| 5                        | Làm kháng sinh đồ các loại vi khuẩn            |
| 6                        | Nhuộm soi và nuôi cấy tìm nấm                  |
| <b>VI Giải phẫu bệnh</b> |  |
| 1                        | FNA  |
| 2                        | PAP' smear                                     |

#### **4. Các quy định chung khi lấy mẫu**

##### **4.1. Xác định đúng người bệnh trước khi tiến hành lấy mẫu**

- Xác định đúng người bệnh bằng cách “hỏi” và kiểm tra đối chiếu với các thông tin của người bệnh ghi trong phiếu yêu cầu xét nghiệm.

##### **4.2. Lấy mẫu bệnh phẩm**

- Ghi ngày giờ lấy mẫu, mã số của người bệnh trên nhãn ống nghiệm.
- Tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật đối với từng loại xét nghiệm yêu cầu.

##### **4.3. Yêu cầu mẫu bệnh phẩm**

- Đủ số lượng theo quy định.
- Đựng trong các ống, lọ, hộp phù hợp với từng loại xét nghiệm.
- Dụng cụ đựng mẫu do khoa Dược cung cấp ( nhận tại khoa Dược).
- Trên ống/hộp đựng phải ghi đầy đủ ngày giờ lấy bệnh phẩm, mã số của người bệnh, loại bệnh phẩm (ví dụ: dịch não tủy, mủ.....), riêng ống đựng bệnh phẩm máu và nước tiểu không cần ghi loại bệnh phẩm.
- Bên ngoài ống (lọ, hộp) đựng phải sạch, không làm rách nhãn.
- Đảm bảo chất lượng mẫu và yêu cầu đối với từng loại xét nghiệm cụ thể (ví dụ: máu làm xét nghiệm hóa sinh không được vỡ hồng cầu).
- Bệnh phẩm phải được để trong giá và đựng trong hộp vận chuyển khi chuyển tới khoa xét nghiệm).

##### **4.4. Bảo quản bệnh phẩm**

- Trường hợp chưa chuyển bệnh phẩm tới ngay khoa xét nghiệm được, bệnh phẩm phải được bảo quản ở nhiệt độ từ 2-8°C và không quá 60 phút.

##### **4.5. Thời gian chuyển bệnh phẩm: Theo đúng quy định trong sổ tay này.**

#### **5. Tiêu chuẩn chấp nhận và từ chối mẫu**

Loại bỏ mẫu và yêu cầu lấy lại mẫu khác trong những trường hợp sau:

- Thiếu thông tin của người bệnh (mã số), và ngày giờ thu thập mẫu trên nhãn.
- Mẫu lấy nhầm, không phù hợp mã số và họ tên người bệnh.
- Ống đựng mẫu không đúng quy định.

|                                  |                                  |
|----------------------------------|----------------------------------|
| BỆNH VIỆN ĐK BỘ TRẠCH QUẢNG BÌNH | Khoa xét nghiệm                  |
| Sổ tay lấy mẫu bệnh phẩm         | Mã số: QLCL 01<br>Phiên bản: 1.0 |

- Ống đựng mẫu bị nứt, vỡ.
- Mẫu máu bị tan huyết hoặc có hiện tượng đông vón.
- Mẫu được chuyển đến khoa xét nghiệm không đúng thời gian quy định.

**Lưu ý:** Đối với từng loại xét nghiệm sẽ có các tiêu chuẩn chấp nhận và từ chối riêng.

**Thời gian nhận mẫu:** 24/24 giờ đối với bệnh nhân ngoại trú và bệnh nhân cấp cứu tại các khoa lâm sàng. Mẫu bệnh phẩm thường quy của các khoa lâm sàng được quy định cụ thể thời gian nhận mẫu như sau:

- Mẫu bệnh phẩm sau khi lấy phải chuyển ngay đến phòng xét nghiệm.
- Buổi sáng nhận mẫu từ 8 giờ đến 9 giờ
- Buổi chiều từ 14 giờ đến 15 giờ 30

## 6. Thời gian trả kết quả:

### 6.1. Đối với bệnh nhân ngoại trú:

- Buổi sáng: 9 giờ 30 phút, 10 giờ, 10 giờ 30 phút (mùa hè).  
10 giờ, 10 giờ 30 phút, 11 giờ (mùa đông).

### 6.2. Đối với bệnh nhân nội trú: từ 16 giờ đến 16 giờ 30 phút hàng ngày.

### 6.3. Trường hợp khẩn cấp:

- Đối với xét nghiệm huyết học (18 thông số): chậm nhất 30 phút kể từ khi nhận mẫu.
- Đối với xét nghiệm sinh hóa: Từ 60 phút đến 120 phút kể từ khi nhận mẫu.

## Phần 3. Các yêu cầu về bệnh phẩm, thời gian trả kết quả xét nghiệm

| STT | LOẠI XÉT NGHIỆM  | THỂ TÍCH | DỤNG CỤ  | THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ  | GHI CHÚ   |
|-----|--|----------|--|------------------------|---|
| 1   | Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng máy đếm tế bào tự động | 1ml      | Ống nhựa có chứa chất chống đông EDTA ( nắp tím)               | 2 giờ sau khi nhận mẫu | Gửi mẫu trong vòng 30 phút sau khi lấy, nhiệt độ bảo quản 2-8°C |
| 2   | Các loại xét nghiệm hóa sinh                                   | 2ml      | Ống nhựa 2ml có chứa chất chống đông Heparin ( nắp đen)        | 2 giờ sau khi nhận mẫu | Gửi mẫu trong vòng 30 phút sau khi lấy, nhiệt độ bảo quản 2-8°C |
| 4   | Xét nghiệm huyết thanh học                                     | 1 ml     | Ống nhựa có chứa chất chống đông EDTA ( nắp tím) (có thể đựng) | 2 giờ sau khi nhận mẫu | Gửi mẫu trong vòng 30 phút sau khi lấy,                         |

|                                  |                                  |
|----------------------------------|----------------------------------|
| BỆNH VIỆN ĐK BỔ TRẠCH QUẢNG BÌNH | Khoa xét nghiệm                  |
| Sổ tay lấy mẫu bệnh phẩm         | Mã số: QLCL 01<br>Phiên bản: 1.0 |

|   |                                |                         |  |                            |   |
|---|--------------------------------|-------------------------|--|----------------------------|---|
|   |                                |                         | chung với ống huyết học hoặc sinh hóa          |                            | nhệt độ bảo quản 2-8°C  |
| 5 | Xét nghiệm nước tiểu 10 chỉ số | 2ml                     | Lọ nhựa sạch có nắp đậy                        | 2 giờ sau khi nhận mẫu     | Gửi mẫu trong vòng 30 phút sau khi lấy, nhiệt độ bảo quản 2-8°C |
| 6 | Soi tươi tìm tế bào            | Ướt đầu que tăm bông    | Tăm bông vô khuẩn                              | 2 giờ sau khi nhận mẫu     | Gửi mẫu trong vòng 30 phút sau khi lấy, nhiệt độ bảo quản 2-8°C |
| 7 | Nhuộm soi tìm vi khuẩn         | Tùy từng loại bệnh phẩm | Que bông vô khuẩn, ống nghiệm chứa dịch v..v.. | 2 giờ sau khi nhận mẫu     | Gửi mẫu trong vòng 30 phút sau khi lấy, nhiệt độ bảo quản 2-8°C |
| 8 | Nuôi cấy định danh vi khuẩn    | Tùy từng loại bệnh phẩm | Que bông vô khuẩn, ống nghiệm chứa dịch v..v.. | 48-72 giờ sau khi nhận mẫu | Gửi mẫu trong vòng 30 phút sau khi lấy, nhiệt độ bảo quản 2-8°C |
| 9 | Làm kháng sinh đồ              | Tùy từng loại bệnh phẩm | Que bông vô khuẩn, ống nghiệm chứa dịch v..v.. | 72 giờ sau khi nhận mẫu    | Gửi mẫu trong vòng 30 phút sau khi lấy, nhiệt độ bảo quản 2-8°C |



|                                  |                                  |
|----------------------------------|----------------------------------|
| BỆNH VIỆN ĐK BỔ TRẠCH QUẢNG BÌNH | Khoa xét nghiệm                  |
| Sổ tay lấy mẫu bệnh phẩm         | Mã số: QLCL 01<br>Phiên bản: 1.0 |

## **QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU XÉT NGHIỆM BỔ SUNG**

Trong trường hợp Bác sĩ có yêu cầu lập lại xét nghiệm hoặc làm thêm xét nghiệm trên cùng một mẫu bệnh phẩm do một lý do nào đó, bác sĩ nên thông báo cho bộ phận xét nghiệm liên quan về lý do. Phụ trách bộ phận hay KTV trưởng có trách nhiệm kiểm tra lại mẫu bệnh phẩm, nếu có thể sẽ tiến hành xét nghiệm bổ sung hoặc xét nghiệm lại.

Trong trường hợp bác sĩ cần yêu cầu xét nghiệm bổ sung trên cùng một mẫu bệnh phẩm đã được gửi đến phòng xét nghiệm:

- Bác sĩ hoặc điều dưỡng được chỉ định sẽ thông báo cho bộ phận xét nghiệm có liên quan về xét nghiệm cần bổ sung.
- Bộ phận xét nghiệm sẽ kiểm tra thể tích mẫu và thời gian lưu giữ mẫu còn trong điều kiện cho phép để thực hiện xét nghiệm bổ sung hay không.
- Nếu thời gian lưu giữ mẫu đã quá hạn hoặc thể tích mẫu không đủ, nhân viên xét nghiệm có trách nhiệm trả lời ngay cho bác sĩ hoặc điều dưỡng viên được chỉ định (nếu có thể, xét nghiệm bổ sung sẽ được làm trên một mẫu mới)
- Nếu điều kiện và thời gian lưu trữ mẫu cho phép, quy trình làm xét nghiệm và thời gian trả kết quả được tính như một mẫu mới.
- Những xét nghiệm bổ sung phải là những xét nghiệm nằm trong danh mục các xét nghiệm trong cuốn sổ tay này. Nếu yêu cầu xét nghiệm bổ sung nằm ngoài danh mục thì nhân viên xét nghiệm phải thông tin ngay cho bác sĩ hoặc điều dưỡng viên được chỉ định.

|                                  |                                  |
|----------------------------------|----------------------------------|
| BỆNH VIỆN ĐK BỘ TRẠCH QUẢNG BÌNH | Khoa xét nghiệm                  |
| Sổ tay lấy mẫu bệnh phẩm         | Mã số: QLCL 01<br>Phiên bản: 1.0 |

### Phụ lục 1: Các hình ảnh dụng cụ lấy mẫu

1. Ống nghiệm chứa chất chống đông đựng máu xét nghiệm huyết học



2. Ống nghiệm chứa chất chống đông Heparin đựng máu làm xét nghiệm sinh hóa và điện giải đồ



3. Ống nghiệm thủy tinh đựng nước tiểu và các loại dịch

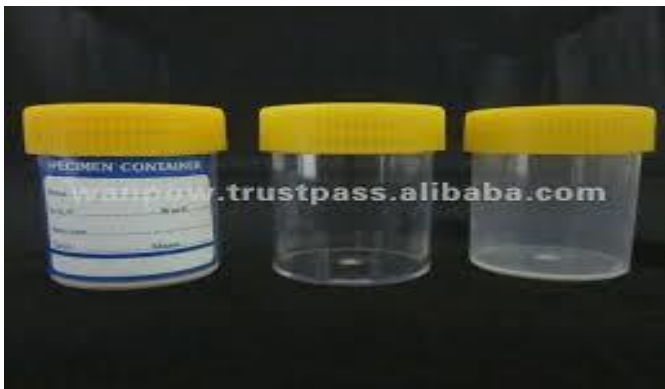


|                                  |                 |
|----------------------------------|-----------------|
| BỆNH VIỆN ĐK BỘ TRẠCH QUẢNG BÌNH | Khoa xét nghiệm |
| Sổ tay lấy mẫu bệnh phẩm         | Mã số: QLCL 01  |
|                                  | Phiên bản: 1.0  |

4. Que tăm bông vô khuẩn dùng lấy các loại bệnh phẩm làm xét nghiệm vi sinh vật



5. Hộp đựng bệnh phẩm đàm, phân



|                                  |                                  |
|----------------------------------|----------------------------------|
| BỆNH VIỆN ĐK BỘ TRẠCH QUẢNG BÌNH | Khoa xét nghiệm                  |
| Sổ tay lấy mẫu bệnh phẩm         | Mã số: QLCL 01<br>Phiên bản: 1.0 |

Phụ lục 2. Hướng dẫn sử dụng sổ theo dõi giao nhận bệnh phẩm

| NGÀY/<br>THÁNG | GiỜ | KHOA | MÃ SỐ | TÊN | CHỈ ĐỊNH |    |    |    |    | CHẤT LƯỢNG |       | NGUYÊN NHÂN | NGƯỜI GIAO | NGƯỜI NHẬN |
|----------------|-----|------|-------|-----|----------|----|----|----|----|------------|-------|-------------|------------|------------|
|                |     |      |       |     | HH       | SH | NT | ĐG | VS | ĐẠT        | KHÔNG |             |            |            |

1. Ngày/tháng: ghi ngày tháng nhận bệnh phẩm.
2. Giờ: ghi giờ nhận bệnh phẩm.
3. Khoa: ghi tên khoa giao bệnh phẩm.
4. Mã số: ghi mã số bệnh phẩm trùng với mã số ghi trên ống bệnh phẩm.
5. Tên: ghi tên bệnh nhân đối chiếu với mã số.
6. Chỉ định: đánh dấu X vào các ô tương ứng.
  - 6.1. HH: xét nghiệm huyết học
  - 6.2. SH: xét nghiệm sinh hóa
  - 6.3. NT: xét nghiệm nước tiểu
  - 6.4. ĐG: xét nghiệm điện giải đồ
  - 6.5. VS: xét nghiệm vi sinh vật
7. Chất lượng: đánh dấu X vào ô tương ứng.
  - 7.1. Đạt: chất lượng các ống bệnh phẩm đạt yêu cầu
  - 7.2. Không: chất lượng các ống bệnh phẩm không đạt yêu cầu và đề nghị lấy lại bệnh phẩm nếu cần
8. Nguyên nhân: ghi nguyên nhân các ống bệnh phẩm không đạt yêu cầu (vd: tan huyết, quá ít, để quá lâu ở nhiệt độ phòng.....)
9. Người giao: người giao bệnh phẩm ký tên.
10. Người nhận: người nhận bệnh phẩm ký tên.